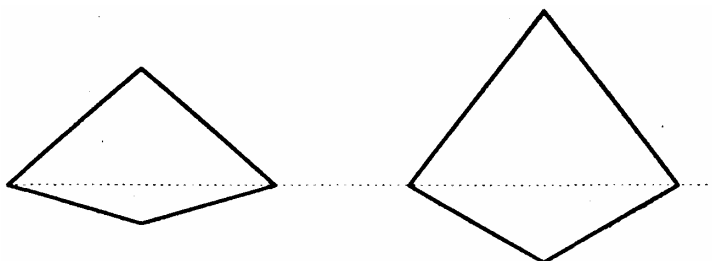


## Mấy nhận xét về sự so sánh phân tầng mức sống giữa nông thôn đồng bằng sông Hồng và nông thôn miền núi phía Bắc trong thời kỳ đổi mới

ĐỖ THIÊN KÍNH

Từ khi Nghị quyết 10 (năm 1988) của Bộ Chính trị ra đời cho đến nay, sự phân tầng mức sống trong phạm vi cả nước mới diễn ra ngày càng rõ nét. Nông thôn đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) và nông thôn miền núi phía bắc (MNPB) cũng không nằm ngoài bối cảnh trên. Tuy nhiên, ở đây sự phân tầng mức sống mới diễn ra chủ yếu về mặt thu nhập. Do vậy sự so sánh giữa 2 vùng cũng chỉ giới hạn trong lĩnh vực thu nhập. Nhìn chung trong phạm vi cả nước, tháp phân tầng thu nhập có dạng hình tam giác mà đáy hơi bị lồi (thời kỳ bao cấp) đã chuyển sang tháp phân tầng thu nhập có dạng hình thoi (hiện nay) (Xem 2 hình vẽ tượng trưng dưới đây):



*Hình 1*

- + Số ít giàu có ở trên
- + Đa số dân chúng nghèo khổ ở dưới đáy
- + Khoảng cách giàu nghèo thấp.

*Hình 2: Thời kỳ hiện nay*

- + Tầng lớp giàu nghèo ở 2 đầu
- + Tầng lớp trung .lưu ở giữa đang phát triển
- + Khoảng cách giàu - nghèo ngày càng lớn.

Về đại thể thì như vậy. Nhưng mức độ phân tầng ở mỗi vùng địa lý diễn ra hết sức khác nhau. ở các tỉnh MNPB cơ bản vẫn như H.1, đang bước đầu tiến tới H. 2. ở các tỉnh ĐBSH đã đi khỏi H.1 quá xa, nhưng chưa tiến tới H.2 hoàn toàn, mà đang tiếp cận tới gần. Nhịp độ phân tầng ở vùng đô thị còn diễn ra mạnh hơn. Có thể đưa ra một so sánh về hình ảnh: Nếu lấy đô thị làm tâm, thì sự phân tầng ở đó diễn ra mạnh nhất, càng lan toả ra các vùng nông thôn xung quanh càng yếu dần, và hầu như còn "phẳng lặng" và "biến mất" ở vùng miền núi.

\*

\* \*

Ở các tỉnh MNPB, chúng tôi dựa trên số liệu của 2 tỉnh Hòa Bình và Yên Bái qua cuốn sách của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm: "Giàu nghèo trong nông thôn hiện nay" - Nxb. Nông nghiệp, H. 1993, 362 tr.<sup>1</sup>. Đồng thời cũng dựa trên nguồn số liệu nói chung về MNPB của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các nguồn số liệu khác có liên quan. Trên cơ sở này, chúng tôi có thể suy rộng cho toàn vùng MNPB nói chung.

1. Những chỗ nào dựa vào nguồn số liệu nói trên chúng tôi đều ghi chú thích Sdd... Nguồn số liệu khác sẽ có chú thích riêng.

Theo số liệu điều tra năm 1992 của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Hòa Bình chỉ có 5,8% hộ giàu. Trong khi đó, số hộ giàu ở ĐBSH là rất cao. Trong cuộc điều tra, một hộ được xác định là giàu khi mức thu nhập (V + m) tính bình quân 1 khẩu/năm đạt 1 triệu đồng trở lên. Một hộ được xác định là nghèo nếu đạt mức thu nhập tính bình quân đầu người 13 kg/gạo/tháng (156 kg/gạo/người/năm). Đồng thời có tham khảo các tiêu chuẩn khác về nhà ở, tiện nghi sinh hoạt gia đình, vốn và các điều kiện sản xuất. Các tỉnh khác ở MNPB, số hộ nghèo đói cũng không ít. Xã Lang Quán (huyện Yên Sơn, Hà Tuyên) có khoảng 60% số hộ thiếu ăn từ 1 tháng trở lên<sup>1</sup>. Số hộ nghèo và rất nghèo chiếm đa số tới 213 ở miền núi<sup>2</sup>. Tác giả Trần Thành Bình cũng cho rằng có tới 46% số hộ nghèo đói ở các tỉnh miền núi<sup>3</sup>. Theo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, nghèo tương đối (tức là dưới mức thu nhập trung bình của địa phương) ở nông thôn miền núi phía bắc là 56,26%<sup>4</sup>. Một xã vùng cao Tân Dân, huyện Hoà Bình, Quảng Ninh có tỉ lệ về tự đánh giá mức sống giữa các loại hộ là<sup>5</sup>:

- Mức I (Giàu có, sung túc):	0%	0 hộ
- Mức II (Khá giả)	2,56-	5 -
- Mức III (Trung bình)	54,35-	106 -
- Mức IV (Nghèo)	40,51-	79 -
- Mức V (Đói)	2,56-	5-
	100,00%	195 hộ

Số liệu điều tra thực tế bình quân thu nhập khẩu/tháng trong hộ ở Tân Dân là như sau<sup>6</sup>:

Hộ loại I (60.000 - 376.000 đ)	4,61%	9 hộ
- II (40.000 - 60.000 đ)	11,79-	23 -
- III (30.000 - 40.000 đ)	13,84 -	27 -
- IV (20.000 - 30.000 đ)	27,17 -	53-
- V (10.000 20.000 đ)	42,56 -	83 -
	100, 00%	195 hộ

Theo số liệu điều tra năm 1990, tỉ lệ về cơ cấu thu nhập của các loại hộ ở 2 vùng trung du miền núi (chúng ta có thể coi như đại diện cho MNPB) và vùng ĐBSH là:

1,2. Trần Thị Quế Về những chính sách kinh tế xã hội nhằm khắc phục tình trạng nghèo khổ ở miền núi phía Bắc. Tạp chí Xã hội học, số 1.1992. tr. 44-49.

3. Trần Thanh Bình Định hướng và giải pháp cụ thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi: Báo Nhân dân, ngày 26-4-1993

4. Đói nghèo ở Việt Nam - Một số kết quả nghiên cứu của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, H. 1993, tr. 8.

5,6 Chương trình KX04 - Viện Dân tộc học - Số liệu về thực trạng kinh tế, xã hội của người Dao ở vùng cao, H. 1993: Biểu số 68 + 80, tr. 67 + 76.

*Bảng 1: Cơ cấu thu nhập của vùng Trung du miền núi và vùng ĐBSH:*

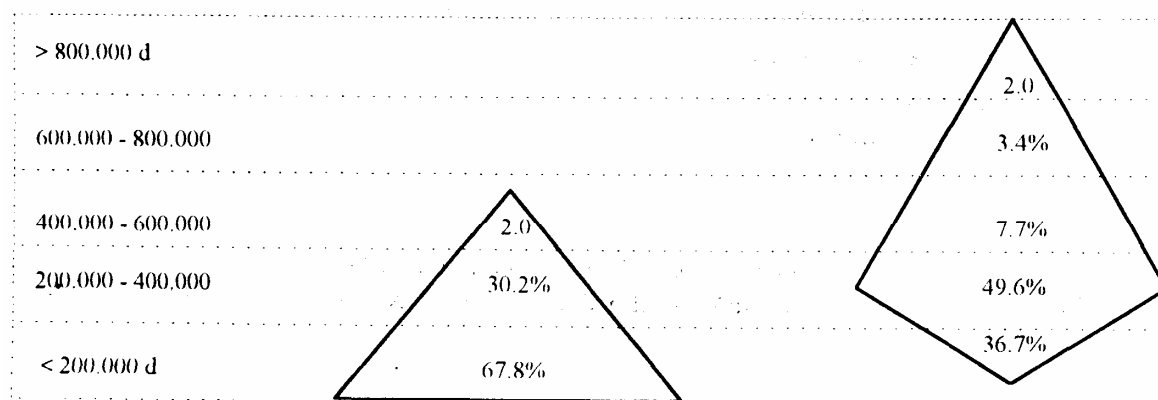
Bình quân thu nhập khẩu /năm	Trung du miền núi (%)	ĐBSH (%)
Hộ loại I: trên 800.000 đ	0	2,6
- II: 600.000 - 800.000 đ	0	3,4
- III: 400.00 - 600.000 đ	2,0	7,7
- IV: 200.000 - 400.000 đ	30,2	49,6
-V: Dưới 200.000 đ	67,8	36,7

*Nguồn:* Số liệu thống kê nông nghiệp 35 năm (1956 - 1990), Nxb, thống kê, 11.1991, tr.596.

Như vậy, căn cứ vào các nguồn số liệu kể trên, chúng ta có thể đưa ra con số chung về tỉ lệ các loại hộ ở MNPB như sau: - Hộ giàu: 2%; - Hộ trung bình: 45% - Hộ nghèo: - 53%. Nếu chia thành 5 mức, thì con số ở 3 nhóm hộ này sẽ rải đều ra và nhóm hộ giàu có, sung túc (cao nhất) là 0%. Tương tự, nếu quy về 3 nhóm hộ thì tỉ lệ thu nhập giữa các loại hộ ở ĐBSH năm 1992 là: - Hộ giàu: 5%; - Hộ trung bình: 65%; - Hộ nghèo: 30% Tiêu chuẩn xác định một hộ là giàu ở đây phải đạt mức thu nhập 2 triệu đồng/khẩu/năm trở lên<sup>1</sup>. Dựa vào nguồn số liệu này và số liệu ở bảng 1, chúng ta có sơ đồ so sánh về phân tầng thu nhập giữa nông thôn MNPB và ĐBSH như sau;

Sơ đồ H.3 của MNPB là một hình tam giác với đa số dân chúng nghèo khổ ở dưới đây.

Chỉ có số rất ít giàu có ở trên đỉnh. Trong khi đó, H.4 của ĐBSH có dạng hình thoi phình về phía dưới. Nhóm hộ giàu và nghèo ở 2 đầu. Số hộ nghèo ít đi và gia nhập vào nhóm hộ trung bình (tạm gọi là tầng lớp trung lưu). Số hộ giàu tăng lên. Tầng lớp trung lưu ở giữa đã phình ra. Tuy nhiên, mức độ giàu - nghèo ở 2 vùng có khác nhau: Nhóm giàu và nghèo

*Hình 3 (MNPB - 1990)**Hình 4 (ĐBSH - 1990)*

1. Số liệu năm 1992 ở ĐBSH mà chúng tôi đưa ra ở đây là căn cứ những tài liệu sau:

+ *Giàu nghèo trong nông thôn hiện nay*. Nxb. Thống kê; II, 1993, 362tr

+ *Đói nghèo ở Việt Nam – Một số kết quả nghiên cứu của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội*; H, 1993, 163 trang.

+ *Phân cực đời sống ở nông thôn Nam Hà*, báo Nhân dân, ngày 18.11.1992

+ *Những nhân tố mới trong kinh tế và xã hội nông thôn*; báo Nhân dân ngày 25.12.1992

ở MNPB đều nằm ở phía dưới (đáy) khung giàu - nghèo so với ĐBSH. Nghĩa là chúng đều thấp hơn ĐBSH ở các mức tương ứng.

H.4 của ĐBSH là sơ đồ có dạng tương tự của các nước phát triển về tiên tiến trên thế giới (tất nhiên ở ta là trình độ thấp). Sơ đồ này thể hiện sự phát triển theo xu hướng tiến bộ của ta H.3 của MNPB là sơ đồ phân tầng lạc hậu. Như vậy, trình độ kinh tế của các tỉnh MNPB thấp hơn các tỉnh dưới xuôi rất đáng kể. Từ đây, một điều có ý nghĩa được rút ra là chiến lược phát triển kinh tế ở miền núi phải khác hẳn với miền xuôi. Nếu ở dưới xuôi thực hiện "xóa đói giảm nghèo" để phát triển nhóm hộ trung bình và tăng hộ giàu, thì ở miền núi nhiệm vụ cơ bản là đưa đại đa số dân chúng thoát khỏi cảnh nghèo đói. Sau đó, xã hội miền núi mới đi lên và bắt đầu có sự phân cực giàu - nghèo như dưới xuôi hiện nay.

\*

\* \*

Các tỉnh MNPB còn phát triển ở trình độ thấp. Do vậy sự phân cực giàu nghèo ở đó cũng chưa rõ. Điều này được thể hiện qua hệ số chênh lệch giàu nghèo chưa lớn như ở vùng ĐBSH. Ta có thể minh họa điều này qua bảng sau:

**Bảng 2: chênh lệch về tổng sản phẩm (c + v + m) giữa hai nhóm hộ giàu - nghèo của một số tỉnh đại diện cho vùng MNPB và ĐBSH**

Tỉnh	Tổng sản phẩm	Tổng sản phẩm	Chênh lệch (lần)
	HỘ GIÀU (đ/năm)	HỘ NGHÈO (đ/năm)	
Hòa Bình	16.070.840	1.856.000	8,6
Yên Bái	20.205.000	2.618.000	7,7
Nam Hà	27.445.450	2.387.000	11,5
Hải Hưng	12.955.500	1.156.000	11,2
Hải Phòng	17.638.400	1.355.000	13,0
TP. Hồ Chí Minh	110592.400	2.104.000	52,6

*Nguồn: Sdd... biểu số 19 + 159 và biểu số 100 + 168*

Nhìn vào bảng trên ta thấy, sự chênh lệch giàu - nghèo giữa 2 tỉnh miền núi Hòa Bình (8,6 lần) và Yên Bái (7,7 lần) nhỏ hơn nhiều so với các tỉnh ĐBSH. Khoảng cách chênh lệch có xu hướng ngày càng lớn khi đi vào các tỉnh phía nam, đặc biệt là TP. Hồ Chí Minh (52,6 lần). Điều này cũng phản ánh một thực tế là nền kinh tế hàng hóa ở các tỉnh phía nam phát triển hơn nhiều các tỉnh ĐBSH và lại càng phát triển hơn miền núi. Trong khi đó, ở các nước công nghiệp phát triển, khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm hộ giàu - nghèo tới cả hàng nghìn lần. Ở họ, có cả những nền văn hóa khác nhau của kẻ giàu và người nghèo. Như vậy sự phân hóa giàu - nghèo ở MNPB chưa có những khác biệt thật đáng kể. Do đó, sự phân tầng xã hội có thể nói hầu như chưa xuất hiện rõ ở đây. Cả xã hội miền núi có thể hình dung như một tập hợp mà các phần tử của nó là các hộ gia đình có tính thuần nhất cao. Khi "cơ sở kinh tế" của các hộ gia đình chưa có sự khác biệt đáng kể, thì về mặt "kiến trúc thượng tầng", cuộc sống văn hóa - tinh thần cũng chẳng khác nhau là mấy. Do đó tính cộng đồng làng bản sẽ còn rất mạnh. Ngay cả những làng xóm dưới xuôi thì tính cộng đồng vẫn còn lớn. Bởi vì sự phân tầng xã hội cũng chỉ mới bắt đầu diễn ra rõ nét ở

khu vực nông thôn ĐBSH này.

Ở nước ta, sự phát triển về kinh tế và văn hóa, kéo theo nó là sự phân tầng về xã hội được biểu hiện rõ hơn ở các trung tâm đô thị và thành phố. ở nông thôn ĐBSH, thì đó là các vùng ven đô, ven đường giao thông, chợ búa... tóm lại là gần những nơi tụ điểm phát triển hàng hóa. ở MNPB thì chúng tôi chưa quan sát thấy xuất hiện những nhóm hộ có năng lực kinh tế vượt trội để "kéo" những nhóm hộ khác. Phải chăng đó là biểu hiện của tính năng động xã hội thấp, tầng hưởng kinh tế chậm đời sống chậm được đổi mới. Nhận thức được điều này, chúng ta sẽ chủ động tương tác vào sự vật thay cho để chúng tự phát triển theo con đường phát triển tự nhiên.

\*

\* \*

Dưới góc nhìn của nền sản xuất hàng hóa, nhóm giàu trong thấp phân tầng mức sống của hai vùng ĐBSH và MNPB đều gắn liền với quy mô sản xuất hàng hóa ít nhiều phát triển. Nhóm nghèo của hai vùng chỉ là sản xuất tự cấp tự túc, đặc biệt ở MNPB còn ở mức sản xuất "tự nhiên nhờ trời" - Tức là cuộc sống dựa vào "bóc lột" rừng một cách nguyên thủy. Dù cho sản xuất hàng hóa ít nhiều phát triển, nhưng giá trị hàng hóa bán ra của hộ giàu ở MNPB còn ít hơn nhiều so với ĐBSH (xem bảng 3):

**Bảng 3: Giá trị sản phẩm hàng hóa bán ra của nhóm hộ giàu ở một số tỉnh đại diện cho 2 vùng ĐBSH và MNPB:**

Tỉnh	Giá trị sản phẩm hàng hóa bán ra của hộ giàu đ/năm
Hòa Bình	9.470.900 d
Yên Bái	10.782.500 d
Nam Hà	14.278.800 d
Chung cả nước (17 tỉnh đại diện)	18.346.000 d

*Nguồn: Sdd... biểu số 23 + 104*

Dưới góc nhìn của cơ cấu nghề nghiệp - lao động xã hội, vùng ĐBSH đang diễn ra quá trình hình thành 3 nhóm nghề nghiệp: - Thuần nông; - Nông nghiệp kết hợp với phi nông; - Phi nông hoàn toàn. Trong đó, nhóm phi nông hoàn toàn thường ở cực giàu của thấp phân tầng mức sống. Còn nhóm thuần nông lại thường ở cực nghèo của thấp. Trong khi đó, ở MNPB chưa xuất hiện nhóm phi nông hoàn toàn. Nghề nghiệp chính của các hộ vẫn là nông nghiệp kết hợp với những ngành nghề khác. Dù cho có thể mạnh lâm nghiệp, nhưng cũng chưa có nhóm hộ thuần lâm nghiệp (cũng là phi nông hoàn toàn), vẫn phải kết hợp giữa lâm nghiệp + nông nghiệp. Có lẽ đây là sự tồn tại dai dẳng của lối tư duy tự túc lương thực bằng mọi cách còn in đậm một thời.

Việc chưa xuất hiện nhóm phi nông hoàn toàn (có thể là thuần lâm nghiệp) ở MNPB có lẽ cũng là một trong những nguyên nhân làm cho mức độ giàu có chưa lớn như ở dưới xuôi. Không những thế, nhìn chung nhóm hộ nông nghiệp + lâm nghiệp còn có thu nhập thấp hơn cả nhóm hộ nông nghiệp + ngành nghề TTCN và chế biến ở MNPB. Điều này khiến cho thu nhập ở MNPB vẫn từ nông nghiệp là chính, lâm nghiệp là phụ.

Bảng 4: Cơ cấu thu nhập của 2 tỉnh Hòa Bình và Yên Bái

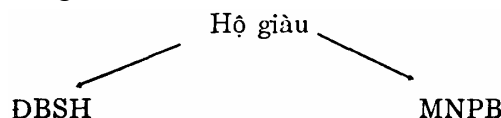
Tỉnh	Thu từ nông nghiệp %	Thu Từ lâm nghiệp %	Thu khác
Hòa Bình	83,55	2,05	Phần còn lại
Yên Bái	90,20	2,56	Phần còn lại

Nguồn: Sdd... Tác giả tự tính toán số liệu trên cơ sở các biểu số 31 + 36 + 41 + 46 + 51 và các biểu số 112 + 117 + 127.

Đây là một "khập khiễng", một "nghịch lý" của các tỉnh MNPB. Chúng ta cần giải quyết sớm mâu thuẫn này để phát huy, trở lại thế mạnh của miền núi. Thúc đẩy việc xuất hiện nhóm hộ phi nông (có thể -là thuần lâm nghiệp, hoặc chế biến sản phẩm lâm nghiệp) ở MNPB sẽ góp phần tích cực tạo ra sự phân tầng mức sống mạnh mẽ ở khu vực này. Như thế nó cũng sẽ phù hợp với phân tầng mức sống đang diễn ra ở vùng ĐBSH mà nhóm hộ giàu - phi nông đang là nhân tố mới của sự phát triển xã hội nông thôn.

\*  
\* \*

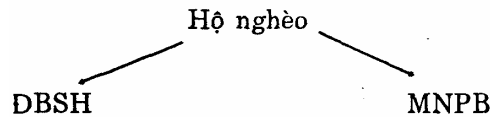
Trên đây là một vài nét về sự so sánh bước đầu giữa phân tầng mức sống (chủ yếu là phân tầng thu nhập) của nông thôn MNPB và vùng ĐBSH. Nếu kể thêm một số tiêu chuẩn khác về nhà ở và tiện nghi sinh hoạt... thì chúng ta thấy rằng *mức sống* (vật chất) của các nhóm hộ giàu - nghèo ở 2 vùng tương ứng cũng chênh lệch nhiều. Chúng ta có thể sơ bộ đưa ra sự so sánh dưới đây:



- Thu nhập cao (2 triệu đồng/khẩu/năm.)
- Sản xuất hàng hóa đã phát triển.
- Giá trị công trình phục vụ xuất cao.
- Nghề nghiệp: Đa dạng hóa nghề nghiệp phát triển mạnh.
- Nhà cửa kiên cố (mái bằng)
- Có nhiều tiện nghi sinh hoạt đắt tiền
- Bữa ăn đầy đủ số lượng và chất lượng dinh dưỡng
- Có tỉ lệ thích hợp về chi tiêu cho học hành sức khỏe và đời sống văn hóa.

- Thu nhập thấp ( 1 triệu đồng/khẩu/năm.)
- Sản xuất hàng hóa mới bắt đầu.
- Giá trị công trình phục vụ sản xuất thấp.
- Nghề nghiệp: Còn gắn với nghề nông.
- Nhà khung gỗ thọt (biểu dưới xuôi), mái lợp ngói.
- Ít tiện nghi sinh hoạt giá trị cao.
- Đủ ăn, nhưng vẫn phải ăn độn.

- Có tỉ lệ thích hợp về chi tiêu cho học hành sức khỏe và đời sống văn hóa.
- Chưa chú ý thích đáng, đến lĩnh vực này



- 40% có nhà gạch, còn lại là nhà tranh vách đất
- *Thiếu* ăn hàng năm
- Hầu hết là nhà tranh vách đất và ở lều lán tạm.
- *Đói* ăn hàng năm và phải ăn cháo củ mài.

Nhìn vào sự so sánh trên và so sánh về tháp phân tầng của 2 vùng ĐBSH và MNPB chúng ta thấy rằng phải có 2 *chiến lược phát triển khác nhau* đối với 2 vùng này. Đối với ĐBSH, nên phát triển mạnh ngành nghề phụ phi nông để rút bớt lao động nông nghiệp. Đây là hướng làm giàu góp phần nhiều vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Đối với MNPB, phải phát huy thế mạnh lâm nghiệp vốn có. Đây cũng là con đường đi tới phi nông, từ bỏ lối tư duy "tự túc lương thực bằng mọi cách thời bao cấp". Vạch ra chiến lược phát triển khác nhau đối với 2 vùng có sự phát triển cũng khác nhau mà một trong những nét khác biệt đó là sự phân tầng mức sống là điều có ý nghĩa to lớn mà chúng tôi muốn trình bày qua bài viết này.